TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/KDTM-ST
Ngày: 31-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Sơn Tây

2. Bà Võ Thị Hồng Tươi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 61/2023/TLST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH G; địa chỉ: Số B, 2 đường Đ, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Thái Thị N, sinh năm 1991; địa chỉ: Số H N, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 24/4/2023). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH N1; địa chỉ: Thửa đất số 126 và 197, tờ bản đồ số 12, khu phố B, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 4 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Thái Thị N trình bày:

Trong 2/2022, Công ty TNHH G (Công ty G) và Công ty TNHH N1 (Công ty N1) có ký Hợp đồng mua bán số 02/2022-SL&SK ngày 03/01/2022,

đối tượng hợp đồng là gỗ các loại theo đơn hàng cụ thể của Công ty N1, phương thức thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ xuất hoá đơn. Thực hiện theo thoả thuận, trong thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 7/2022, Công ty G đã giao hàng vào các tháng 3, 5, 6, 7/2022 theo yêu cầu đặt hàng của Công ty N1. Mỗi lần giao hàng đều có phiếu giao hàng và có ký xác nhận của nhân viên giao và nhận hàng của mỗi công ty. Sau khi giao hàng, Công ty G đã gửi bản đối chiếu công nợ cho Công ty N1, sau khi thống nhất bản đối chiếu công nợ Công ty G tiến hành việc xuất hoá đơn cho Công ty N1. Căn cứ theo thoả thuận trên, Công ty G đã bán cho Công ty N1 với tổng trị giá hàng hoá là 1.897.589.268 đồng, tương ứng với trị giá hàng hóa trên, Công ty G đã xuất 04 hóa đơn giá trị gia tăng, cụ thể như sau: Hoá đơn giá trị gia tăng số 38 ngày 27/5/2022 với số tiền 226.285.488 đồng; Hoá đơn giá trị gia tăng số 77 ngày 24/6/2022 với số tiền 448.392.672 đồng; Hoá đơn giá trị gia tăng số 120 ngày 23/7/2022 với số tiền 393.081.174 đồng; Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000143 ngày 31/03/2022 với số tiền 829.829.934 đồng. Tổng số tiền của 04 hoá đơn là 1.897.589.268 đồng.

Công ty N1 đã thanh toán được số tiền 100.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 1.797.589.268 đồng. Đối với số tiền mua hàng còn nợ chưa thanh toán, Công ty G đã nhiều lần liên lạc nhắc nhở nhưng cho đến nay phía Công ty N1 vẫn chưa thực hiện. Vì vậy, Công ty G khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty N1 thanh toán tổng số tiền 1.979.183.887 đồng, trong đó nợ gốc 1.767.589.268 đồng, nợ lãi với mức lãi suất 10%/năm với số tiền 211.594.619 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

- Đối với bị đơn Công ty N1:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để yêu cầu bị đơn có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như cung cấp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Ngày 24/7/2023, Tòa án triệu tập bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không tham gia tố tụng là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Theo quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ của Toà án, bị đơn Công ty TNHH N1 có địa chỉ trụ sở tại thửa đất 126 và 197, tờ bản đồ số 12, khu phố B, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đến thời điểm Toà án tiến hành xác minh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh B chưa nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý đang hoạt động. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết để triệu tập bị đơn làm việc nhưng bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án đã triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 15/8/2023 và 31/8/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Căn cứ các phiếu xuất hàng, bảng đối chiếu công nợ, các Hoá đơn giá trị gia tăng số 38 ngày 27/5/2022 với số tiền 226.285.488 đồng; Hoá đơn giá trị gia tăng số 77 ngày 24/6/2022 với số tiền 448.392.672 đồng; Hoá đơn giá trị gia tăng số 120 ngày 23/7/2022 với số tiền 393.081.174 đồng; Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000143 ngày 31/03/2022 với số tiền 829.829.934 đồng. Theo biên bản xác minh ngày 11/8/2023 của Toà án tại Chi cục thuế khu vực T thì công ty N1 có khai báo thuế đối với các hoá đơn giá trị gia tăng nêu trên. Từ đó có căn cứ xác định Công ty N1 nợ tiền mua hàng của Công ty G với số tiền nợ gốc là 1.897.589.268 đồng, Công ty N1 đã thanh toán số tiền 100.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 1.767.589.268 đồng. Xét có căn cứ buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc nêu trên.

[2.2] Xác định lãi chậm trả: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm. Xét thấy, tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Mức lãi suất như nguyên đơn yêu cầu là phù hợp quy định. Như đã phân tích ở phần trên, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở chấp nhận. Do đó, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là 211.594.619 đồng.

Từ những phân tích và nhận định nên trên xét có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền là 1.979.183.887 đồng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH G đối với bị đơn Công ty TNHH N1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH N1 thanh toán cho Công ty TNHH G tổng số tiền 1.979.183.887 đồng (Một tỷ, chín trăm bảy mươi chín triệu, một trăm tám mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc là 1.767.589.268 đồng (Một tỷ, bảy trăm sáu mươi bảy triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, hai trăm sáu mươi tám đồng), nợ lãi là 211.594.619 đồng (Hai trăm mười một triệu, năm trăm chín mươi tư nghìn, sáu trăm mười chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH N1 phải chịu 71.375.517 đồng (Bảy mươi mốt triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm mười bảy đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH G số tiền 35.964.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007680 ngày 18/5/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Tân UyêT, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Quyết